

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 05/2018/TLST- HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2018, giữa:

** Nguyên đơn:* Chị **Đào Thị T**, sinh năm 1986;
Đăng ký HKTT: Xóm B, xã T, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;
Nơi ở hiện nay: Xóm T, xã K, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

** Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1971;
Địa chỉ: Xóm B, xã T, TP. Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18/01/2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Đào Thị T** và anh **Nguyễn Văn B**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con chung:* Giao con chung là **Nguyễn Diệu L**, sinh ngày 26/3/2009 cho chị **Đào Thị T** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau ly hôn, anh **Nguyễn Văn B** không phải cấp dưỡng nuôi con (do hiện tại chị **T** không yêu cầu). Anh **B** có quyền và nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung*: Chị Đào Thị T và anh Nguyễn Văn B không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Vay nợ chung*: Chị Đào Thị T và anh Nguyễn Văn B không vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Chị Đào Thị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N^o 0005037 ngày 04/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả cho chị T số tiền chênh lệch là 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Anh Nguyễn Văn B không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (2 bản);
- THADS TP. Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã T (để biết);
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu TA.

THẨM PHÁN

Hoàng Mạnh Tuấn